

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-PT

Ngày: 14/10/2021

V/v “tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên
bố văn bản công chứng vô hiệu; hủy
GCNQSDĐ và chia thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tính; Bà Nguyễn Tuyết Mai

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thanh Huyền - Thư ký TAND tỉnh BN

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa:* Bà Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14/9/2021 và ngày 14/10/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2021/TLPT-DS ngày 18/5/2021 về "Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2021/DS-ST ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện LT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 91/2021/QĐPT-DS ngày 06 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Cụ Nguyễn Thị H, sinh năm 1931 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Tân H, xã Thái B, huyện GB, tỉnh BN.

Người đại diện theo ủy quyền của cụ H: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 132/12 Phan Văn Tr, phường Dịch Vọng H, quận Cầu G, thành phố HN (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Văn phòng công chứng M.

Địa chỉ: Thị trấn Th, huyện LT, tỉnh BN.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1955 - Trưởng văn phòng công chứng M (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức Th, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Thanh L, xã An Th, huyện LT, tỉnh BN (theo Giấy ủy quyền ngày 08/9/2021).

2. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Tân Th, xã Xương L, huyện Lạng G, tỉnh BG.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1955 (vắng mặt).

Chức vụ: Công chứng viên - Trưởng văn phòng công chứng M.

Địa chỉ: Thị Trấn Th, huyện LT, tỉnh BN

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1956 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Kim S, xã Hà Đ, huyện Hà Tr, tỉnh TH.

3. Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ Giáp Sau, phường Dĩnh K, thành phố BG, tỉnh BG.

4. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1960 (chết ngày 23/7/2021).

Địa chỉ: Thôn Tân H, xã Thái B, huyện GB, tỉnh BN.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ông C:

- Cụ Nguyễn Thị H, sinh năm 1931 (vắng mặt).

- Bà Lục Thị H, sinh năm 1977 (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1991 (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Tân H, xã Thái B, huyện GB, tỉnh BN.

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Cọ Dầu 1, xã Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

5. Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Khu Ga Nam, thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hưởng, ông Ứng, bà Hồng, cụ H, bà Hồng, chị Huyền, anh Quyền và anh Lực: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984 (có mặt); Địa chỉ: Số 132/12 Phan Văn Tr, phường Dịch Vọng H, quận Cầu G, thành phố HN.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh BN.

Địa chỉ: Số 11 Hai Bà Trưng, Đại Phúc, thành phố BN, tỉnh BN

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Quang Khải - Chức vụ: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh BN

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Tân Lộc - Giám đốc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện GB, tỉnh BN (văn bản ủy quyền số 830/UQ-STNMT ngày 16/6/2020), (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau: Nguyên đơn là Cụ Nguyễn Thị H do Chị Nguyễn Thị H là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Cụ Nguyễn Thị H và cụ Nguyễn Văn Ba sau khi kết hôn cùng

về sinh sống trên mảnh đất tại thôn Tân H, xã Thái B, huyện GB, tỉnh BN. Hai cụ sinh được 5 người con là Bà Nguyễn Thị H, Ông Nguyễn Văn U', Ông Nguyễn Văn C, Ông Nguyễn Văn Th, Bà Nguyễn Thị Bích H. Ngoài ra, hai cụ không có con nuôi, con riêng nào khác, hai cụ cũng không làm con nuôi của gia đình nào. Tài sản của cụ H và cụ Ba là 01 thửa đất số, tờ bản đồ số 3, diện tích 289m² (nay là thửa đất số 131, tờ bản đồ số 19, diện tích 285m²) tại địa chỉ thôn Tân H, xã Thái B, huyện GB, tỉnh BN đã được UBND huyện GB, tỉnh BN cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) số R534455, số vào sổ cấp GCNQSDĐ số 08 QSDĐ/311-QĐUB mang tên hộ ông Nguyễn Văn Ba, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 240m², đất trồng cây lâu năm 49m², thời hạn sử dụng: Đất ở tại nông thôn lâu dài, đất trồng cây lâu năm đến ngày 07/11/2050 thửa đất này do hai cụ quản lý, sử dụng. Tài sản chung của hai cụ xây dựng trên đất gồm: 01 nhà cấp 4 đã đổ nát, sân gạch đã vỡ không còn giá trị sử dụng, 01 bể nước, 01 bếp, 01 giếng, 01 cây nhãn, tường bao, cụ H xác định những tài sản này là di sản thừa kế. Tài sản riêng do cụ H xây dựng sau khi cụ Ba chết gồm: 01 nhà cấp 4 diện tích 77,5m², cổng bờ trụ cánh sắt, sân gạch, cụ xác định tài sản riêng do cụ xây dựng không phải là di sản thừa kế. Ngoài thửa đất trên, cụ H và cụ Ba không còn tài sản chung nào, hai cụ không phải thực hiện nghĩa vụ với bất kỳ ai.

Ngày 05/9/2004, cụ Ba chết không để lại di chúc. Sau khi cụ Ba chết cụ H tiếp tục ở trên thửa đất này đến năm 2012 thì cụ phá nhà cũ, xây lại nhà mới như hiện nay. Ngày 18/9/2018, theo yêu cầu của Ông Nguyễn Văn Th, văn phòng công chứng M thực hiện các thủ tục khai nhận di sản thừa kế của cụ Ba là một phần thửa đất nói trên.

Ngày 04/10/2018, gia đình cụ gồm cụ H và bốn người con là bà Hương, ông Ứng, Ông C, bà Hồng (không có ông Thủy) đã họp và quyết định phân chia di sản thừa kế của cụ Ba như sau: “Thống nhất giao đất cho Ông Nguyễn Văn Th (là con đẻ của ông Nguyễn Văn Ba và bà Nguyễn Thị Hậu) được hưởng toàn bộ phần di sản của ông Nguyễn Văn Ba là $289\text{m}^2 : 2 = 144,5\text{m}^2$ (một trăm bốn mươi bốn phẩy năm mét vuông) đất. Phần tài sản của bà Nguyễn Thị Hậu trong khối tài sản chung vợ chồng với ông Nguyễn Văn Ba là $289\text{m}^2 : 2 = 144,5\text{m}^2$ (một trăm bốn mươi bốn phẩy năm mét vuông) đất sẽ được sang tên cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị Hậu ở và thờ cúng”. Thỏa thuận này được lập thành văn bản, có chữ ký của cụ H và 4 người con sau đó giao cho cụ H giữ, nhưng do tuổi cao nên cụ không nhớ đã để ở đâu. Đến trưa cùng ngày, khi cụ đang mệt nằm trong phòng thì ông Thủy vào phòng gọi “Mẹ ơi dậy, ra ký giấy làm nhà thờ”, cụ ra phòng khách thì đã thấy tất cả các con và nhân viên văn phòng công chứng ở đó. Ông Thủy và nhân viên văn phòng hướng dẫn cụ vẽ tên cụ và cầm tay cụ điểm chỉ vào các trang giấy. Khi văn phòng công chứng làm các giấy tờ trên cụ đã 87 tuổi, mắt kém, không nhìn rõ, tai

điếc, ốm yếu. Trước và sau khi cụ vẽ tên, nhân viên phòng công chứng cầm tay cụ điểm chỉ không có ai kể cả nhân viên văn phòng công chứng, các con cụ đọc cho cụ nghe nội dung giấy tờ cụ đã vẽ tên, do mắt kém nên cụ cũng không đọc được nội dung các giấy tờ cụ đã vẽ tên.

Đến ngày 15/11/2019, cụ mới được biết văn bản mà nhân viên văn phòng công chứng M đã cầm tay cụ điểm chỉ và vẽ tên là “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế” với nội dung chính: “Di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Ba để lại nằm trong khối tài sản chung của gia đình gồm: Thửa đất theo GCNQSDĐ cụ thể như sau: R 534455 do UBND huyện GB cấp ngày 07/11/2000; và đính chính ngày 10/9/2018, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất: 08 QSDĐ/311 – QĐUB mang tên hộ ông Nguyễn Văn Ba, cụ thể như sau: Thửa đất số:...; tờ bản đồ số: 3, địa chỉ thửa đất: thôn Tân H, xã Thái B, huyện GB, tỉnh BN, diện tích: 289m² (bằng chữ: Hai trăm tám mươi chín mét vuông), hình thức sử dụng: sử dụng riêng: 289m², sử dụng chung: không, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 240m², đất trồng cây lâu năm 49m², thời hạn sử dụng: Đất ở tại nông thôn lâu dài, đất trồng cây lâu năm đến ngày 07/11/2050. Giá trị quyền sử dụng đất: 123.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm hai mươi ba triệu đồng Việt Nam). Nay tất cả những người có quyền thừa kế và thừa hưởng di sản trên thông nhất giao cho: Ông Nguyễn Văn Th (là con ông Nguyễn Văn Ba) được sử dụng diện tích 289m² (bằng chữ: Hai trăm tám mươi chín mét vuông trong đó có 240² đất ở tại nông thôn, 49m² đất trồng cây lâu năm”.

Căn cứ văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế trên Ông Nguyễn Văn Th đã kê khai và thực hiện thủ tục sang tên cấp GCNQSDĐ toàn bộ 289m² cho mình. Ngày 15/10/2018, ông Thủy được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh BN cấp GCNQSDĐ số: CN 836538, sổ vào sổ cấp GCN: CS 02546, mang tên Ông Nguyễn Văn Th, cụ thể: Thửa đất số: 131, tờ bản đồ số: 19, địa chỉ thửa đất: thôn Tân H, xã Thái B, huyện GB, tỉnh BN, diện tích: 285,0m², hình thức sử dụng: sử dụng riêng, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn: 240m², đất trồng cây lâu năm: 45m², thời hạn sử dụng: Đất ở tại nông thôn: Lâu dài, đất trồng cây lâu năm: Đến ngày 07/11/2050, nguồn gốc sử dụng: Nhận thừa kế đất được công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất: 240m², nhận thừa kế đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất: 45m².

Toàn bộ thủ tục khai nhận và phân chia di sản thừa kế tài sản của cụ Nguyễn Văn Ba để lại do văn phòng công chứng M thực hiện. Việc văn phòng công chứng M công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế giữa cụ H và các con là hoàn toàn trái pháp luật vì: Cả ba văn bản là thông báo về việc khai nhận di sản, biên bản niêm yết, biên bản kết thúc niêm yết công khai việc khai nhận di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Ba đều khẳng định di sản ông Ba để lại là một phần quyền sử dụng của thửa đất 289m², không phải toàn bộ 289m². Ngay cả văn bản thỏa

thuận phân chia di sản thừa kế cũng một lần nữa khẳng định: “ Di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Ba để lại nằm trong khối tài sản chung của gia đình”. Nhưng trong văn bản này lại cũng có nội dung “những người có quyền thừa kế và thừa hưởng di sản thống nhất giao cho Ông Nguyễn Văn Th (là con của ông Nguyễn Văn Ba) được sử dụng toàn bộ diện tích 289m² đất”. Văn bản này không thể hiện ý chí của cụ H và các con là chỉ cho ông Thủy được quyền sử dụng toàn bộ di sản thừa kế do cụ Ba để lại là một phần hai diện tích đất trong khối tài sản chung của cụ H và cụ Ba. Do đó, văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế vi phạm Điều 117 của Bộ luật dân sự về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự. Văn phòng công chứng M soạn thảo trước, in văn bản tại văn phòng rồi mang đến nhà của cụ cho cụ và các con ký, điểm chỉ nhưng trên văn bản công chứng lại ghi địa điểm công chứng được thực hiện tại văn phòng công chứng M là không đúng thực tế địa điểm diễn ra công chứng theo quy định tại Điều 44 Luật công chứng. Thời điểm công chứng cụ H đã 87 tuổi, già, yếu, mắt mờ không thể nhìn được chữ, không đọc được, tai điếc rất khó nghe. Trước và sau khi cụ vẽ tên và được nhân viên văn phòng công chứng M lặn tay trên trang giấy cụ không được ai đọc cho nghe nội dung, ông Thủy và nhân viên văn phòng công chứng chỉ cụ vẽ tên và điểm chỉ trên giấy. Việc này là vi phạm Điều 48 của Luật công chứng. Thời điểm công chứng cụ H đã 87 tuổi, già yếu, theo quy định của pháp luật phải có người làm chứng nhưng gia đình cụ và văn phòng công chứng không mời người làm chứng là vi phạm khoản 2 Điều 47 Luật công chứng. Phần cuối văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được công chứng ghi mỗi người được giữ 01 bản chính, nhưng chỉ có ông Thủy và văn phòng công chứng giữ, cụ H và 4 người con còn lại không ai được giữ là vi phạm mẫu 04/TP-CC-21 của Thông tư số: 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng. Cụ H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Thứ nhất: Tuyên vô hiệu văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế công chứng số 3603/2018/VBPC, quyền số 08/TP/CC – SCC/HĐGD ngày 04/10/2018 của Văn phòng công chứng M, đại diện chứng nhận là Công chứng viên Nguyễn Văn Nhượng.

Thứ hai: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CN 836538 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh BN cấp cho Ông Nguyễn Văn Th, tại Thửa đất số: 131, tờ bản đồ số: 19, địa chỉ thửa đất: thôn Tân H, xã Thái B, huyện GB, tỉnh BN, diện tích: 285,0m².

Thứ ba: Chia thừa kế di sản của cụ Ba là một phần hai khối tài sản chung của cụ Ba và cụ H theo quy định của pháp luật. Phần thừa kế của cụ H được hưởng cụ

tự nguyện tặng cho Ông Nguyễn Văn Ư quản lý, sử dụng để ông Ưng làm nơi thờ cúng tổ tiên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cụ H đề nghị bổ sung: Công nhận sự tự nguyện của cụ H tặng cho Ông Nguyễn Văn Ư quyền sử dụng tài sản riêng của cụ H là một phần hai khối tài sản chung của cụ Ba và cụ H là 142,5m² thuộc thửa đất số: 131, tờ bản đồ số: 19, địa chỉ thửa đất: thôn Tân H, xã Thái B, huyện GB, tỉnh BN.

Bị đơn là Văn phòng công chứng M, do Ông Nguyễn Văn Nh, chức vụ trưởng văn phòng là người đại diện theo pháp luật, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Do sơ suất nên ông đã cử anh Nguyễn Bá Linh là nhân viên văn phòng công chứng M làm thủ tục công chứng văn bản phân chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Ba để lại tại nhà riêng của cụ Ba tại thôn Tân H, xã Thái B, huyện GB, tỉnh BN mà ông là công chứng viên không đi cùng; văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của cụ Ba để lại được lập tại gia đình cụ H ở thôn Tân H, xã Thái B nhưng trong văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế công chứng số: 3603/2018/VBPC, quyển số 08/TP/CC – SCC/HĐGD ngày 04/10/2018 lại ghi tại Văn phòng công chứng M; cụ H là người tuổi cao nhưng nhân viên văn phòng không mời người làm chứng, tuy nhiên cụ H vẫn đọc được, ký được, nghe được nên nhân viên văn phòng không cần mời người làm chứng, mà thực tế thì tất cả các con cụ H đều có mặt ở đó và họ là người làm chứng; văn bản phân chia di sản thừa kế được công chứng nhân viên văn phòng chỉ giao cho ông Thủy mà không giao cho cụ H và các con.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Văn phòng công chứng M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan công chứng viên Nguyễn Văn Nhượng là Ông Nguyễn Đức Th có quan điểm: Đồng ý với đơn khởi kiện của Cụ Nguyễn Thị H về việc yêu cầu tuyên vô hiệu văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế công chứng số 3603/2018/VBPC, quyển số 08/TP/CC – SCC/HĐGD ngày 04/10/2018 của Văn phòng công chứng M, đại diện chứng nhận là Công chứng viên Nguyễn Văn Nhượng. Nếu nguyên đơn, Ông Nguyễn Văn Th và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu văn phòng công chứng M bồi thường thiệt hại thì văn phòng sẽ chấp nhận bồi thường theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là Ông Nguyễn Văn Th trình bày: Ông thống nhất với trình bày của cụ H về các thành viên trong gia đình, thời điểm cụ Nguyễn Văn Ba chết, tài sản chung của cụ H và cụ Ba tại thôn Tân H, xã Thái B, huyện GB, tỉnh BN. Ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của cụ H vì lý do khi cụ Ba còn sống đã tuyên bố bằng miệng nhưng không có giấy tờ là chia đất cho các con trai, phần của ông Ưng, Ông C đều đã được nhận, ông là con út nên được bố mẹ cho ông đất của bố mẹ đang ở. Sau khi bố ông chết không để lại di chúc nên mẹ ông và các anh chị em

đã họp bàn thống nhất làm thủ tục cho ông toàn bộ thửa đất của bố mẹ ông. Ông là người mời anh Nguyễn Bá Linh là cán bộ nhân viên văn phòng công chứng M đến nhà cụ H tại thôn Tân H, xã Thái B để làm thủ tục công chứng việc phân chia di sản thừa kế. Ngày 04/10/2018, anh Linh đến nhà đã có mặt đầy đủ mẹ ông và các anh chị em, anh Linh có giải thích rõ nội dung và đọc lại cho mọi người trong gia đình nghe nội dung văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế là gia đình thống nhất cho ông có toàn quyền sử dụng thửa đất của bố mẹ ông diện tích 289m², các thành viên trong gia đình nhất trí và ký tên, điểm chỉ vào văn bản, do mẹ ông mắt kém nên ông là người cầm tay mẹ ông viết và lấn tay vào văn bản theo sự hướng dẫn của anh Linh. Sau khi công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế xong thì ông làm các thủ tục sang tên và đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh BN cấp GCNQSDĐ mang tên Nguyễn Văn Thủy. Như vậy các văn bản được công chứng là đúng với ý chí và nguyện vọng của mẹ ông và các anh chị em. Việc cụ H cho rằng không tự nguyện tặng cho ông toàn bộ thửa đất là không đúng sự thật. Ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ H, do ông đã được nhà nước cấp GCNQSDĐ nên mẹ ông không có quyền yêu cầu hủy GCNQSDĐ và yêu cầu chia thừa kế di sản của bố ông để lại. Ông Thủy xác định tài sản trên đất là do cụ H và cụ Ba xây dựng, ông không đóng góp công sức, không xây dựng, tôn tạo gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Nguyễn Thị H, Ông Nguyễn Văn U, Ông Nguyễn Văn C, Bà Nguyễn Thị Bích H do Chị Nguyễn Thị H là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Bố mẹ các ông bà là cụ Nguyễn Văn Ba và Cụ Nguyễn Thị H sinh được 5 người con là các ông bà và ông Thủy. Các ông bà thống nhất với lời khai của cụ H về thời điểm cụ Ba chết, hàng thừa kế, tài sản chung của cụ Ba, cụ H, di sản thừa kế của cụ Ba để lại, thủ tục công chứng văn bản phân chia di sản thừa kế tài sản của cụ Ba để lại. Các ông, bà nhất trí với yêu cầu khởi kiện của Cụ Nguyễn Thị H.

Khi Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với mảnh đất của cụ H và cụ Ba thì các ông bà đề nghị chia bằng hiện vật, phần của bà Hường, bà Hồng được hưởng, hai bà tự nguyện giao lại cho ông Ứng quản lý, sử dụng làm nơi thờ cúng tổ tiên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Sở tài nguyên và môi trường tỉnh BN do ông Đặng Tân Lộc, chức vụ giám đốc chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện GB là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Năm 2018, chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện GB có tiếp nhận hồ sơ đăng ký biến động quyền sử dụng đất do phân chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất của Ông Nguyễn Văn Th, ông Thủy được Sở Tài nguyên và môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CN 836538, số vào sổ cấp GCN: CS 02546, mang tên Ông Nguyễn Văn Th, cụ thể: Thửa đất số: 131, tờ bản đồ số: 19, địa chỉ thửa đất: thôn Tân H, xã Thái B, huyện GB, tỉnh BN, diện tích: 285,0m², hình thức sử dụng: sử

dụng riêng, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn: 240,0m², đất trồng cây lâu năm: 45,0m², thời hạn sử dụng: Đất ở tại nông thôn: Lâu dài, đất trồng cây lâu năm: Đến ngày 07/11/2050, nguồn gốc sử dụng: Nhận thừa kế đất được công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất: 240,0m², nhận thừa kế đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất: 45,0m². Thành phần hồ sơ và trình tự giải quyết thủ tục hành chính, thủ tục cấp GCNQSDĐ cho Ông Nguyễn Văn Th được thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và quy định của Luật Đất đai năm 2013 cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành. Đề nghị Tòa án căn cứ vào hồ sơ, tài liệu, các chứng cứ xác minh thực tế, các quy định hiện hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Sở Tài nguyên và môi trường đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Với nội dung như trên bản án sơ thẩm đã căn cứ Khoản 5, 11 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 157, 165, 184, 227, 228, 235, 264, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 126, 612, 613, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 7 và khoản 8 Điều 40, khoản 3 Điều 41, Điều 44, khoản 2 Điều 47, khoản 1 và khoản 2 Điều 48 Luật công chứng; Thông tư số: 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng; Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của Cụ Nguyễn Thị H:

1. Tuyên bố văn bản công chứng số 3603/2018/VBPC, quyền số 08/TP/CC – SCC/HĐGD ngày 04/10/2018 theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số: Thửa đất:, tờ bản đồ số: 3, diện tích: 289m² (nay là thửa đất số: 131, tờ bản đồ số: 19, diện tích 285m²), địa chỉ thửa đất: thôn Tân H, xã Thái B, huyện GB, tỉnh BN do Văn phòng công chứng M, đại diện là công chứng viên Nguyễn Văn Nhượng công chứng ngày 04/10/2018, được xác lập giữa Cụ Nguyễn Thị H, Ông Nguyễn Văn Th, Ông Nguyễn Văn C, Ông Nguyễn Văn U, Bà Nguyễn Thị Bích H, Bà Nguyễn Thị H là vô hiệu.

2. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế tài sản của Cụ Nguyễn Thị H.

Di sản thừa kế: Tài sản chung của cụ Ba cụ H là thửa đất số Thửa đất:, tờ bản đồ số: 3, diện tích: 289m² (nay là thửa đất số: 131, tờ bản đồ số: 19, diện tích 285m²) tại thôn Tân H, xã Thái B, huyện GB, tỉnh BN đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn Ba, hiện nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Ông Nguyễn Văn Th. Thửa đất có tứ cận: Phía Bắc giáp nhà ông Nguyễn Văn Nguyên, phía Nam giáp đường giao thông của xóm, phía Đông giáp nhà ông Nguyễn Văn Hưng, phía Tây giáp nhà bà Nguyễn Thị Át.

Diện tích đất theo số liệu hiện tại là 285m², có giá trị 541.500.000 đồng. Công trình xây dựng trên đất là tài sản chung của cụ H, cụ Ba là 01 nhà cấp 4 xây năm 1979, đã sập mái không còn giá trị sử dụng, sân không còn giá trị sử dụng, 01 bể nước giá trị sử dụng còn lại là 2.000.000 đồng, 01 bếp giá trị còn lại là 1.000.000 đồng, 01 cây nhãn giá trị là 1.000.000 đồng, 01 giếng đào giá trị còn lại là 500.000 đồng, tường phía tây giá trị còn lại là 1.000.000 đồng, tường phía Nam giá trị còn lại là 300.000 đồng, tường phía đông giá trị còn lại là 200.000 đồng tổng cộng là: 6.000.000 đồng. Cụ Ba, cụ H không phải thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào đối với người khác.

Di sản thừa kế của cụ Ba là một phần hai khối tài sản chung của cụ Ba, cụ H là 142,5m² đất và 3.000.000 đồng giá trị tài sản, trị giá 273.750.000 đồng. Cụ Ba không phải thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào.

Tài sản riêng của cụ H là một phần hai khối tài sản chung của cụ Ba, cụ H là 142,5m² đất, trị giá 270.750.000 đồng. Công trình xây dựng trên đất là tài sản riêng của cụ H gồm: nhà cấp 4 loại 2 xây dựng năm 2012 diện tích 77,5 m² giá trị còn lại là 131.846.000 đồng, cổng vào (bổ trụ, mái, cánh sắt) giá trị còn lại là 3.000.000 đồng, sân gạch trước nhà cấp 4 loại 2 giá trị còn lại là 500.000 đồng, tổng cộng là 135.346.000 đồng.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ba gồm: Cụ Nguyễn Thị H, Ông Nguyễn Văn Th, Ông Nguyễn Văn C, Ông Nguyễn Văn U, Bà Nguyễn Thị Bích H, Bà Nguyễn Thị H.

Chia di sản của cụ Ba: Cụ Ba chết không để lại di chúc nên di sản của cụ Ba được chia theo pháp luật. Những người được nhận di sản thừa kế của cụ Ba gồm: Cụ H, ông Thủy, Ông C, ông Ứng, bà Hồng, bà Hương. Chia di sản của cụ Ba là 142,5m² đất, trị giá 270.750.000 đồng, tài sản trị giá 3.000.000 đồng thành 6 kỷ phần, mỗi kỷ phần là 45.125.000 đồng đất (tương đương 23,75m² đất) và 500.000 đồng tài sản, tổng cộng cả đất và tài sản mỗi kỷ phần là 45.625.000 đồng. Cụ H, ông Thủy, Ông C, ông Ứng, bà Hồng, bà Hương mỗi người được nhận 1 kỷ phần thừa kế trị giá 45.625.000 đồng.

Công nhận việc cụ H, bà Hồng, bà Hương tặng cho, nhường phần thừa kế của mình cho ông Ứng.

Như vậy, tổng cộng phần thừa kế của ông Ứng được xác định là 95 m² đất và 2.000.000 đồng tài sản, trị giá 182.500.000 đồng; phần thừa kế của ông Thủy và Ông C mỗi người được xác định là 23,75 m² đất và tài sản trị giá 500.000 đồng, tổng cộng 45.625.000 đồng.

3. Công nhận sự tự nguyện của Cụ Nguyễn Thị H tặng cho Ông Nguyễn Văn U một phần hai khối tài sản chung của cụ Ba cụ H là 142,5m² đất, trị giá 270.750.000 đồng và tài sản trên đất là tài sản riêng của cụ H xây dựng sau khi cụ

Ba chệt là nhà cấp 4 loại 2 xây dựng năm 2012 diện tích 77,5 m² giá trị còn lại là 131.846.000 đồng, công vào (bổ trụ, mái, cánh sắt) giá trị còn lại là 3.000.000 đồng, sân gạch trước nhà cấp 4 loại 2 giá trị còn lại là 500.000 đồng, tổng cộng là 135.346.000 đồng. Tổng cộng tài sản riêng là đất và tài sản trên đất ông Ứng được cụ H tặng cho là 406.096.000 đồng.

4. Giao cho Ông Nguyễn Văn Ư được quyền quản lý, sử dụng 285 m² thuộc thửa đất số 131, tờ bản đồ số: 19 tại thôn Tân H, xã Thái B, huyện GB, tỉnh BN có tứ cận: Phía Bắc giáp nhà ông Nguyễn Văn Nguyên, phía Nam giáp đường giao thông của xóm, phía Đông giáp nhà ông Nguyễn Văn Hưng, phía Tây giáp nhà bà Nguyễn Thị Át và toàn bộ công trình xây dựng trên thửa đất gồm 01 nhà cấp 4 loại 2 xây năm 2012, bể nước, bếp, tường bao, cây nhãn, cổng, sân gạch, giếng nước. Ông Ứng có nghĩa vụ trích trả cho ông Thủy và Ông C mỗi người số tiền là 45.625.000 đồng.

Ông Ứng có quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm liên hệ với các cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền để làm thủ tục thừa kế, kê khai, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan tài nguyên và môi trường căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để điều chỉnh biên động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

Yêu cầu Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan tài nguyên và môi trường thông báo cho Ông Nguyễn Văn Th giao nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 836538, số vào sổ cấp GCN: CS 02546 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh BN cấp cho Ông Nguyễn Văn Th ngày 15/10/2018 và lưu giữ theo quy định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử về nghĩa vụ thi hành án, án phí, nghĩa vụ chịu các chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/3/2021, Ông Nguyễn Văn Th kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày, tranh luận giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là Ông Nguyễn Đức Th trình bày, tranh luận giữ nguyên ý kiến của mình; bị đơn là Ông Nguyễn Văn Th trình bày, tranh luận giữ nguyên ý kiến và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 Điều

308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của Ông Nguyễn Văn Th.

- Sửa bản án sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 03/02/2021 của TAND huyện LT về phân chia di sản thừa kế. Xác định Ông Nguyễn Văn Th được quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa đất số 131 = 142,5m² có tứ cận: Phía đông nam giáp đường bê tông 7,25m (2,99 + 4,26); phía tây bắc giáp nhà ông Nguyễn Văn Nguyên 5,31m; phía đông bắc giáp phần đất chia cho cụ H 21,21m; phía tây nam giáp nhà bà Nguyễn Thị Át 22,01m (13,80 + 1,24 + 6,97), cùng tài sản trên phần đất này gồm: 01 nhà cấp 4 cũ, 01 sân gạch cũ, 01 bể nước, 01 bếp, 01 giếng đào, vườn chuối, nhưng ông Thủy phải trích trả cho ông Ứng số tiền 1.750.000đ.

Không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của Cụ Nguyễn Thị H đối với phần di sản của cụ Ba để lại. Công nhận sự tự nguyện của Cụ Nguyễn Thị H tặng cho Ông Nguyễn Văn Ư phần tài sản của cụ là $\frac{1}{2}$ thửa đất (= 142,5m²) và toàn bộ tài sản trên phần đất này. Phần đất giao cho cụ H có tứ cận: Phía đông nam giáp đường bê tông 8,44m; phía tây bắc giáp nhà ông Nguyễn 6,14m; phía đông bắc giáp nhà ông Hưng 19,45m; phía tây nam giáp phần đất giao cho ông Thủy 21,21m. Ông Ứng được nhận số tiền 1.750.000đ do ông Thủy trích trả tiền giá trị tài sản trên đất.

- Về án phí: Do kháng cáo của ông Thủy được chấp nhận nên ông Thủy không phải chịu án phí phúc thẩm. Cụ H phải chịu án phí về yêu cầu không được chấp nhận, tuy nhiên do cụ là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá nhận định về kháng cáo:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Ông Nguyễn Văn Th được nộp trong hạn luật định, có nội dung phù hợp và đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Ngày 04/10/2018, cụ H và bốn người con là bà Hưởng, ông Ứng, Ông C, bà Hồng (không có ông Thủy) đã họp. Trong cuộc họp các thành viên đã xác định quyền sử dụng thửa đất số:.... tờ bản đồ số 3, diện tích 289m² tại thôn Tân H, xã Thái B, huyện GB, tỉnh BN là tài sản chung của vợ chồng cụ Ba, cụ H, các cụ mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng thửa đất. Đối với di sản thừa kế của cụ Ba mọi người thống nhất giao đất cho Ông Nguyễn Văn Th được hưởng toàn bộ phần di sản của ông Nguyễn Văn Ba là 144,5m² đất; $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất của cụ H là 144,5m² đất sẽ được sang tên GCNQSDĐ cho cụ H để cụ làm nơi ở và thờ cúng. Thỏa thuận này được lập thành văn bản, có chữ ký của cụ H và 4 người con, sau đó biên bản cuộc họp giao cho cụ H giữ, nhưng do tuổi cao nên cụ không

nhớ đã đề biên bản cuộc họp ở đâu. Tuy nhiên, đến trưa cùng ngày, nhân viên văn phòng công chứng M có địa chỉ tại thị trấn Th, huyện LT, tỉnh BN đã mang “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế” với nội dung phân chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Ba để lại là một phần quyền sử dụng thửa đất số:..., tờ bản đồ số 3, diện tích 289m² tại thôn Tân H, xã Thái B, huyện GB, tỉnh BN. Hình thức sử dụng riêng 289m². Sử dụng chung: không. Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 240m², đất trồng cây lâu năm 49m². Thời hạn sử dụng: Đất ở tại nông thôn lâu dài, đất trồng cây lâu năm đến ngày 07/11/2050. Giá trị quyền sử dụng đất: 123.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm hai mươi ba triệu đồng Việt Nam). Nay tất cả những người có quyền thừa kế và thừa hưởng di sản trên thống nhất giao cho: Ông Nguyễn Văn Th (là con ông Nguyễn Văn Ba) được sử dụng diện tích 289m² (bằng chữ: Hai trăm tám mươi chín mét vuông) trong đó có 240m² đất ở tại nông thôn, 49m² đất trồng cây lâu năm”. Ngày 15/10/2018, ông Thủy được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh BN cấp GCNQSDĐ số: CN 836538, số vào sổ cấp GCN: CS 02546, mang tên Ông Nguyễn Văn Th đối với thửa đất số 131, tờ bản đồ số 19, diện tích 285m² tại thôn Tân H, xã Thái B, huyện GB, tỉnh BN. Sau khi phát hiện ra việc phân chia tài sản là di sản của cụ Ba cho ông Thủy bao gồm cả thửa đất số 131, tờ bản đồ số 19, diện tích 285m² cụ H không nhất trí với việc phân chia tài sản, yêu cầu ông Thủy phải trả lại tài sản thuộc quyền sử dụng của cụ H nhưng ông Thủy không nhất trí nên cụ H đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án.

Sau khi xét xử và tuyên án sơ thẩm Ông Nguyễn Văn Th không đồng ý với bản án sơ thẩm xử đã kháng cáo toàn bộ bản án, đồng thời đề nghị cấp phúc thẩm xem xét. Xét nội dung kháng cáo của Ông Nguyễn Văn Th thì thấy:

Thứ nhất: Về yêu cầu tuyên vô hiệu văn bản phân chia di sản thừa kế giữa cụ H, ông Thủy, ông Ứng, Ông C, bà Hồng, bà Hương. Theo nội dung thông báo về việc khai nhận di sản, Biên bản niêm yết, biên bản kết thúc niêm yết công khai việc nhận thừa kế của cụ Ba đều khẳng định di sản của cụ Ba để lại là một phần quyền sử dụng của thửa đất diện tích 289m² không phải là toàn bộ diện tích 289m² đất. Tuy nhiên, trong văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 04/10/2018 do văn phòng công chứng M soạn thảo sẵn cũng ghi nội dung “...*di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Ba để lại nằm trong khối tài sản chung của gia đình*”. Nhưng trong văn bản có nội dung “...*những người có quyền thừa kế và thừa hưởng di sản thống nhất giao cho Ông Nguyễn Văn Th (là con của ông Nguyễn Văn Ba) được sử dụng toàn bộ diện tích 289m² đất*”. Trên thực tế cụ H và các con chỉ thỏa thuận giao cho ông Thủy được quyền sử dụng toàn bộ phần di sản của cụ Ba để lại là ½ thửa đất là tài sản chung của cụ Ba cụ H diện tích 144,5m² không có thỏa thuận định đoạt ½ diện tích còn lại là tài sản riêng của cụ H, đến nay cụ H khẳng định mình không tặng cho ông Thủy phần diện tích đất của cụ. Do đó, việc văn bản phân

chia di sản thừa kế do Văn phòng Công chứng M lập đã vi phạm quy định tại Điều 117, Điều 123, Điều 126 của Bộ luật Dân sự.

Theo trình bày của Văn phòng công chứng M, ngày 04/10/2018, ông Nguyễn Bá Linh là nhân viên văn phòng công chứng M đến nhà cụ H tại thôn Tân H, xã Thái B, huyện GB, tỉnh BN để làm thủ tục thỏa thuận phân chia di sản thừa kế giữa cụ H và các con của cụ H cụ Ba, ngoài trụ sở văn phòng công chứng. Văn bản công chứng được nhân viên văn phòng công chứng soạn thảo theo đề nghị của ông Thủy. Như vậy, thủ tục công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế giữa cụ H và các con được nhân viên văn phòng công chứng, không phải do công chứng viên soạn thảo, không có sự chứng kiến của công chứng viên, việc công chứng được thực hiện ngoài trụ sở văn phòng công chứng, nhưng trên văn bản công chứng số 3063 ngày 04/10/2018 lại ghi trước mặt công chứng viên và ghi địa điểm công chứng được thực hiện tại trụ sở văn phòng công chứng M là không đúng thực tế về địa điểm công chứng, không có mặt công chứng viên, văn bản không phải do công chứng viên soạn thảo, thời điểm công chứng, cụ H 87 tuổi, tình trạng sức khỏe kém, không được minh mẫn do tuổi cao, mắt kém, tai không nghe rõ, không tự đọc được, không ký được chỉ có thể vẽ tên theo hướng dẫn của nhân viên văn phòng công chứng, không tự điểm chỉ được mà do ông Thủy cầm tay lăn lên các trang giấy theo hướng dẫn của nhân viên văn phòng công chứng, trong trường hợp này nếu thấy nghi ngờ về năng lực hành vi dân sự của cụ H thì phải yêu cầu ông Thủy và những người con khác chứng minh năng lực hành vi dân sự của cụ H bằng việc cung cấp giấy khám sức khỏe hoặc kết luận giám định pháp y tâm thần của cụ H để làm cơ sở cho việc công chứng văn bản. Trường hợp ông Thủy và những người con khác không cung cấp thì công chứng viên có quyền từ chối công chứng và phải mời người làm chứng nhưng công chứng viên không mời người làm chứng là vi phạm quy định tại Điều 41, Điều 44, khoản 2 Điều 47, Điều 48 Luật công chứng và Điều 122 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Phần cuối văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 3603 ngày 04/10/2018 ghi mỗi người thỏa thuận được giữ 01 bản chính, nhưng nhân viên văn phòng công chứng chỉ giao cho ông Thủy mà không giao cho cụ H và những người con còn lại là vi phạm quy định tại Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng.

Từ những nhân định, phân tích nêu trên, việc bản án sơ thẩm đã nhận định thủ tục công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế giữa cụ H và các con chung của cụ H, cụ Ba không đúng với quy định của pháp luật và chấp nhận yêu cầu của cụ H, tuyên vô hiệu văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế giữa cụ H, ông Thủy, ông Ứng, Ông C, bà Hồng, bà Hường do văn phòng công chứng M lập

ngày 04/10/2018 là có căn cứ chấp nhận. Việc ông Thủy kháng cáo với nội dung này là không có căn cứ chấp nhận.

Thứ hai: Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh BN cấp cho Ông Nguyễn Văn Th. Theo công văn số 64/TAND-TC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao; theo Điều 195 của Luật đất đai thì trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ hoặc xác nhận nội dung biến động do chuyển quyền sử dụng đất do Chính phủ quy định; Điều 79 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định việc đăng ký biến động, cấp lại GCNQSDĐ do chuyển quyền dựa trên cơ sở hợp đồng. Theo quy định của pháp luật thì việc cấp lại GCNQSDĐ hoặc xác nhận nội dung biến động trong trường hợp thực hiện hợp đồng là thủ tục hành chính trong giao dịch dân sự, không mang tính chất quyết định hành chính cá biệt, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền sẽ thực hiện việc đăng ký biến động, cấp lại GCNQSDĐ trên.

Việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh BN đã cấp GCNQSDĐ cho ông Thủy là việc cấp lại trên cơ sở văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của cụ H, ông Thủy, ông Ứng, bà Hồng, Ông C, bà Hương. Do vậy, trong trường hợp việc thỏa thuận của các bên bị vô hiệu thì cũng không cần tuyên hủy GCNQSDĐ đã cấp lại cho ông Thủy. Khi các đương sự có quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm liên hệ với các cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền để làm thủ tục thừa kế, kê khai, đăng ký, cấp GCNQSDĐ thì Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên và môi trường căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại GCNQSDĐ theo đúng quy định của pháp luật. Việc bản án sơ thẩm không xem xét yêu cầu của Nguyễn Thị Hậu đề nghị tuyên hủy GCNQSDĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh BN cấp cho Ông Nguyễn Văn Th đối với thửa đất số 131, tờ bản đồ số 19, diện tích 285m² tại thôn Tân H, xã Thái B, huyện GB, tỉnh BN là có căn cứ.

Thứ ba: Về yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Văn Ba.

Các đương sự đều thừa nhận cụ H kết hôn với cụ Ba, sinh được 5 người con gồm: Bà Nguyễn Thị H, Ông Nguyễn Văn U, Ông Nguyễn Văn C, Bà Nguyễn Thị Bích H và Ông Nguyễn Văn Th. Ngoài ra, cụ H và cụ Ba không có người con nuôi, con riêng nào khác. Việc bản án sơ thẩm xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ba gồm có: Cụ H, bà Hương, ông Ứng, Ông C, bà Hồng và ông Thủy là có căn cứ.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, các đương sự đều thừa nhận cụ Ba cụ H có tài sản chung là thửa đất: ..., tờ bản đồ số 3, diện tích 289m² (nay là thửa đất số: 131, tờ bản đồ số 19, diện tích 285m²) tại thôn Tân H, xã Thái B, huyện GB, tỉnh BN. Như vậy, theo nguyên tắc xác định tài sản chung của vợ chồng thì cụ Ba và cụ H mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng thửa đất số 131, tờ bản đồ số 19,

diện tích 285m². Cụ thể: Cụ Ba và cụ H mỗi người được quyền sử dụng 285m² : 2 = 142,5m² đất.

Theo trình bày của các đương sự, ngày 04/10/2018 gia đình cụ H gồm cụ H và bốn người con là bà Hưởng, ông Ứng, Ông C, bà Hồng (không có ông Thủy) đã họp và quyết định phân chia di sản thừa kế của cụ Ba như sau: *“Thống nhất giao đất cho Ông Nguyễn Văn Th (là con đẻ của ông Nguyễn Văn Ba và bà Bguyeenx Thị Hậu) được hưởng toàn bộ phần di sản của ông Nguyễn Văn Ba là 144,5m² đất. Phần tài sản của bà Nguyễn Thị Hậu trong khối tài sản chung vợ chồng với ông Nguyễn Văn Ba là 285m² : 2 = 142,5m² sẽ được sang tên chứng nhận QSDĐ cho bà Nguyễn Thị Hậu ở và thờ cúng”*. Thỏa thuận này được lập thành văn bản, có chữ ký của cụ H và 4 người con sau đó giao cho cụ H giữ, nhưng do tuổi cao nên cụ không nhớ đã để ở đâu. Khi khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng cụ H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng đều thừa nhận gia đình có tổ chức họp và quyết định giao cho ông Thủy được quyền quản lý sử dụng 142,5m² đất là di sản của cụ Ba để lại. Cụ H và 4 người con tiếp tục khẳng định tại Văn bản thỏa thuận phân chia di sản do Văn phòng công chứng M lập cùng ngày 04/10/2018 có nội dung: *“Di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Ba để lại nằm trong khối tài sản chung của gia đình. ... Nay tất cả những người có quyền thừa kế và thừa hưởng di sản thống nhất giao cho Ông Nguyễn Văn Th được sử dụng diện tích 289m².... Mọi quyền lợi và nghĩa vụ đối với thửa đất trên và các nghĩa vụ khác do ông Ba để lại từ nay do Ông Nguyễn Văn Th đảm nhận”*. Trên cơ sở Văn bản thỏa thuận phân chia di sản này, ông Thủy đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh BN cấp GCNQSDĐ đất đối với toàn bộ thửa đất có diện tích 285m² tại thôn Tân H, xã Thái B, huyện GB, tỉnh BN.

Việc thỏa thuận của cụ H và bốn người con là bà Hưởng, ông Ứng, Ông C, bà Hồng tặng cho ông Thủy quyền sử dụng đất đã được lập thành văn bản thỏa thuận, được văn phòng công chứng M công chứng và ông Thủy đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh BN cấp GCNQSDĐ đất. Mặc dù văn bản thỏa thuận công chứng vô hiệu nhưng văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế không hoàn toàn bị vô hiệu mà chỉ bị vô hiệu một phần đối với phần quyết định liên quan đến ½ quyền sử dụng thửa đất của cụ H. Đối với ½ quyền sử dụng đất của thửa đất số 131, tờ bản đồ số 19 là di sản của cụ Ba vẫn có hiệu lực theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, do vậy, cần giao ½ quyền sử dụng thửa đất số 131 tờ bản đồ số 19 cho ông Thủy mới đảm bảo quyền lợi của ông Thủy. Ngoài ra trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Thủy cung cấp 01 Giấy chứng nhận ngày 06/7/1997 nội dung: Cụ Ba, cụ H chuyển nhượng quyền thừa kế nhà cửa và đất ở cho bị đơn (có tứ cận như sơ đồ thẩm định). Giấy chuyển nhượng thừa kế này có xác nhận của UBND xã Thái B. Như vậy từ năm 1997 cụ Ba và cụ H đã có

ý nguyện chuyển quyền thừa kế nhà đất cho ông Thủy; nay cụ H thay đổi không thừa kế cho ông Thủy phần thừa kế của cụ mà cụ tặng cho ông Ứng phần đất của cụ nên cần được chấp nhận. Còn phần $\frac{1}{2}$ đất di sản của cụ Ba theo giấy chuyển quyền thừa kế ngày 06/7/1997 thể hiện ý nguyện của cụ Ba thừa kế cho ông Thủy $\frac{1}{2}$ thửa đất (phần của cụ Ba), cũng phù hợp với nội dung văn bản thỏa thuận phân chia di sản. Việc bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của cụ H đối với $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng thửa đất và tài sản trên đất của cụ Ba là không chính xác.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 14/9/2021, phía bị đơn và kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN đề nghị hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ tài sản, sau khi nghe ý kiến của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa, sau khi thảo luận tại phòng nghị án, hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa để tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ tài sản. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ tài sản ngày 04/10/2021 thì thửa đất số 131 tờ bản đồ số 19 có tứ cận tiếp giáp như sau: Cạnh phía Đông Bắc giáp thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Hưng; cạnh phía Đông Nam giáp ngõ đi; cạnh phía Tây Nam giáp nhà bà Nguyễn Thị Át; cạnh phía Tây Bắc giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Nguyên và các tài sản trên thửa đất gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 loại 2, nhà đồ trần bê tông được xây dựng ở góc Đông Bắc của thửa đất, có tường giáp với thửa đất của hộ ông Nguyễn Văn Hưng; ngoài ra trên thửa đất còn có 01 ngôi nhà cấp 4, 03 gian, xây dựng năm 1979 đã bị sập mái, 01 bể nước mưa, 02 gian bếp lợp proximăng; 01 giếng đào; 01 cây nhãn, vườn chuối, 01 sân gạch cũ. Hiện nay, cụ H đang sinh sống tại ngôi nhà cấp 4 loại 1 tại góc phía Đông Bắc của thửa đất, do vậy để đảm bảo chỗ ở cho cụ H, hơn nữa tránh mọi xáo trộn không cần thiết, ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của cụ H, cần buộc Ông Nguyễn Văn Th phải trả lại cho cụ H $\frac{1}{2}$ thửa đất đã được xây dựng nhà 02 tầng tại góc phía Đông Bắc của thửa đất, trong quá trình giải quyết vụ án cụ H đã có ý kiến tặng cho Ông Nguyễn Văn U toàn bộ số tài sản mà cụ được hưởng trong vụ án nên toàn bộ tài sản mà cụ H được hưởng trong vụ án này sẽ được giao cho ông Ứng quản lý, sử dụng. Đối với $\frac{1}{2}$ thửa đất tại góc phía Tây Nam là di sản của cụ Ba để lại, gia đình đã làm thủ tục phân chia di sản cho ông Thủy được quyền sử dụng toàn bộ nên ông Thủy tiếp tục được quản lý, sử dụng phần đất này ông Thủy phải có nghĩa vụ trích trả phần giá trị tài sản của cụ H trên phần đất được giao cho ông Ứng. Đối với các tài sản chung của cụ Ba và cụ H khác là: 01 nhà cấp 4 xây năm 1979, đã sập mái không còn giá trị sử dụng, sân không còn giá trị sử dụng, 01 bể nước giá trị sử dụng còn lại là 2.000.000 đồng, 01 bếp giá trị còn lại là 1.000.000 đồng, 01 cây nhãn giá trị là 1.000.000 đồng, 01 giếng đào giá trị còn lại là 500.000 đồng, tường phía tây giá trị còn lại là 1.000.000 đồng, tường phía Nam giá trị còn lại là 300.000 đồng, tường phía đông giá trị còn lại là 200.000 đồng (trong đó tài sản chung của cụ Ba, cụ H là 01 bể nước giá trị 2.000.000 đồng, 01

bếp giá trị còn lại là 1.000.000 đồng, 01 giếng đào giá trị còn lại là 500.000 đồng = 3.500.000đ), trong đó phần của cụ Ba, cụ H mỗi người là $\frac{1}{2}$ số tiền (3.500.000đ : 2 = 1.750.000đ). Ông Thủy được hưởng số tiền giá trị tài sản trên đất của cụ Ba để lại là 1.750.000đ, do phần tài sản của cụ H tự nguyện cho ông Ứng nên ông Thủy phải trích trả cho ông Ứng số tiền 1.750.000đ.

Như vậy, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của cụ H. Buộc Ông Nguyễn Văn Th phải trả lại cho cụ H diện tích 142,5m² ($\frac{1}{2}$ thửa đất số 131, tờ bản đồ số 19, diện tích 285m² tại thôn Tân H, xã Thái B, huyện GB, tỉnh BN) có tứ cận: Cạnh hướng Đông Bắc giáp đất hộ ông Nguyễn Văn Hưng (hai đoạn: 2-3 dài 1,2m + đoạn 3-4 dài 19,45m); cạnh hướng Tây Nam giáp phần đất Ông Nguyễn Văn Th (đoạn A-B) dài 21,21m; cạnh hướng Đông Nam tiếp giáp ngõ đi (cạnh B-4) dài 8,44m; cạnh phía Tây Bắc giáp giáp nhà ông Nguyễn Văn Nguyên (A-2) dài 6,14m và các tài sản trên phần đất được giao. Trong vụ án cụ H tự nguyện tặng cho Ông Nguyễn Văn U toàn bộ phần quyền lợi mà cụ được hưởng nên Ông Nguyễn Văn U được nhận toàn bộ tài sản thuộc quyền của cụ H.

Ông Nguyễn Văn Th được tiếp tục sử dụng phần đất còn lại là quyền sử dụng diện tích 142,5m² ($\frac{1}{2}$ thửa đất số 131, tờ bản đồ số 19, diện tích 285m² tại thôn Tân H, xã Thái B, huyện GB, tỉnh BN) có tứ cận: Cạnh hướng Đông Bắc giáp phần đất giao cho cụ H (đoạn A-B) dài 21,21m; cạnh hướng Tây Nam giáp phần đất hộ bà Nguyễn Thị Át (có 3 đoạn: 1-8 dài 6,97m+ đoạn 8-7 dài 1,24m+ đoạn 7-6 dài 13,8m) tổng dài 22,01m; cạnh hướng Đông Nam tiếp giáp ngõ đi (có 2 đoạn: B-5 dài 4,26m+ đoạn 5-6 dài 2,99m) dài 7,25m; cạnh phía Tây Bắc giáp giáp nhà ông Nguyễn Văn Nguyên (1-A) dài 5,31m và các tài sản trên đất nhưng phải có trách nhiệm trích trả cho ông Ứng giá trị tài sản là 3.000.000 đồng. (Có sơ đồ chi tiết kèm theo)

Các đương sự có quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án, đồng thời phải thực hiện các nghĩa vụ khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định, phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy việc kháng cáo của Ông Nguyễn Văn Th là có căn cứ, cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông Thủy, sửa bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:

3.1. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Do cụ H, ông Ứng là người cao tuổi nên theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ

phí Tòa án thì cụ H thuộc trường hợp miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho cụ H, ông Ứng. Văn phòng công chứng M phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm do Tòa án tuyên văn bản công chứng vô hiệu một phần nhưng ông Ứng tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí mà Văn phòng công chứng M phải chịu nên ông Ứng phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí định giá tài sản, đồng thời, phía bị đơn là ông Thủy tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự không trái pháp luật, đạo đức xã hội cần chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 148; khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của Ông Nguyễn Văn Th, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Căn cứ khoản 5, 11 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 157, 165, 184, 227, 228, 235, 264, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 117, 126, 612, 613, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 7 và khoản 8 Điều 40, khoản 3 Điều 41, Điều 44, khoản 2 Điều 47, khoản 1 và khoản 2 Điều 48 Luật công chứng; Thông tư số: 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng; Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Cụ Nguyễn Thị H.

1.1. Tuyên bố văn bản công chứng số 3603/2018/VBPC, quyền số 08/TP/CC – SCC/HĐGD ngày 04/10/2018 theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số: Thửa đất: ..., tờ bản đồ số: 3, diện tích: 289m² (nay là thửa đất số: 131, tờ bản đồ số: 19, diện tích 285m²), địa chỉ: Thôn Tân H, xã Thái B, huyện GB, tỉnh BN do Văn phòng công chứng M, đại diện là công chứng viên Nguyễn Văn Nhượng công chứng ngày 04/10/2018, được xác lập giữa Cụ Nguyễn Thị H, Ông Nguyễn Văn Th, Ông Nguyễn Văn C, Ông Nguyễn Văn U, Bà Nguyễn Thị Bích H, Bà Nguyễn Thị H là vô hiệu một phần.

2.2. Buộc Ông Nguyễn Văn Th phải trả lại cho Cụ Nguyễn Thị H quyền sử dụng diện tích 142,5m² (½ thửa đất số 131, tờ bản đồ số 19, diện tích 285m² tại thôn Tân H, xã Thái B, huyện GB, tỉnh BN) có tứ cận: Cạnh hướng Đông Bắc giáp đất hộ ông Nguyễn Văn Hưng (hai đoạn: 2-3 dài 1,2m + đoạn 3-4 dài 19,45m); cạnh hướng Tây Nam giáp phần đất Ông Nguyễn Văn Th được sử dụng (đoạn A-B) dài 21,21m; cạnh hướng Đông Nam tiếp giáp ngõ đi (cạnh B-4) dài 8,44m; cạnh phía Tây Bắc giáp nhà ông Nguyễn Văn Nguyên (A-2) dài 6,14m và các tài sản trên phần đất do Cụ Nguyễn Thị H xây dựng.

Công nhận sự tự nguyện của Cụ Nguyễn Thị H về việc tặng cho Ông Nguyễn Văn U toàn bộ phần quyền lợi được hưởng trong vụ án là quyền sử dụng diện tích 142,5m² (½ thửa đất số 131, tờ bản đồ số 19, diện tích 285m² tại thôn Tân H, xã Thái B, huyện GB, tỉnh BN và các tài sản trên phần đất do Cụ Nguyễn Thị H xây dựng, đồng thời được nhận số tiền 1.750.000đ do Ông Nguyễn Văn Th trích trả.

Giao cho Ông Nguyễn Văn U được quyền sử dụng diện tích 142,5m² (½ thửa đất số 131, tờ bản đồ số 19, diện tích 285m² tại thôn Tân H, xã Thái B, huyện GB, tỉnh BN) có tứ cận: Cạnh hướng Đông Bắc giáp đất hộ ông Nguyễn Văn Hưng (gồm 2 đoạn: 2-3 dài 1,2m+ đoạn 3-4 dài 19,45m); cạnh hướng Tây Nam giáp phần đất Ông Nguyễn Văn Th được sử dụng (đoạn A-B) dài 21,21m; cạnh hướng Đông Nam tiếp giáp ngõ đi (cạnh B-4) dài 8,44m; cạnh phía Tây Bắc giáp giáp nhà ông Nguyễn Văn Nguyên (A-2) dài 6,14m và các tài sản trên đất, đồng thời, Ông Nguyễn Văn U được nhận 1.750.000đ do Ông Nguyễn Văn Th trích trả.

2.3. Giao Ông Nguyễn Văn Th được tiếp tục sử dụng diện tích 142,5m² (½ thửa đất số 131, tờ bản đồ số 19, diện tích 285m² tại thôn Tân H, xã Thái B, huyện GB, tỉnh BN) có tứ cận: Cạnh hướng Đông Bắc giáp phần đất giao cho cụ H (đoạn A-B) dài 21,21m; cạnh hướng Tây Nam giáp phần đất hộ bà Nguyễn Thị Át (gồm 3 đoạn: 1-8 dài 6,97m + đoạn 8-7 dài 1,24m + đoạn 7-6 dài 13,8m); cạnh hướng Đông Nam tiếp giáp ngõ đi (gồm 2 đoạn: B-5 dài 4,26m + đoạn 5-6 dài 2,99m); cạnh phía Tây Bắc giáp giáp nhà ông Nguyễn Văn Nguyên (đoạn 1-A) dài 5,31m và các tài sản trên đất nhưng Ông Nguyễn Văn Th phải có trách nhiệm trích trả cho Ông Nguyễn Văn U giá trị tài sản riêng của cụ H là 1.750.000 đồng (có sơ đồ chi tiết kèm theo).

3. Bác yêu cầu của Cụ Nguyễn Thị H đề nghị chia tài sản thừa kế là quyền sử dụng 142,5m² đất (½ thửa đất số 131, tờ bản đồ số 19, diện tích 285m² tại thôn Tân H, xã Thái B, huyện GB, tỉnh BN) và các tài sản trên đất của cụ Nguyễn Văn Ba.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Các đương sự có quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án, đồng thời phải thực hiện các nghĩa vụ khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

4.1. Về án phí:

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho Cụ Nguyễn Thị H và Ông Nguyễn Văn U.

- Ông Nguyễn Văn Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001916 ngày 24/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LT, tỉnh BN.

- Ông Nguyễn Văn U phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Cụ Nguyễn Thị H phải chịu 4.500.000đ chi phí định giá tài sản (xác nhận cụ H đã nộp đủ); Ông Nguyễn Văn Th phải chịu 10.000.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (xác nhận ông Thủy đã nộp đủ).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tính Nguyễn Tuyết Mai

Nguyễn Thanh Bình